|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH HÀ NAM** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: ……./QĐ-UBND | *Hà Nam, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực**

**Quản lý Môi trường, Quy hoạch Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết**

**của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam**

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và số 92/2017NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý Môi trường, Quy hoạch Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh *(Có danh mục và nội dung các TTHC kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Quản lý Môi trường tại Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: | **CHỦ TỊCH** |
| - Cục KSTTHC- Văn phòng Chính phủ (để b/c);  - TTTU, TTHĐND tỉnh |  |
| - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; |  |
| - Như Điều 3; |  |
| - Cổng thông tin điện tử tỉnh; |  |
| - Đài PTTH tỉnh Hà Nam, Báo Hà Nam; |  |
| - VPUB: LĐVP (4), KSTT, TH(D), TTPVHCC; |  |
| - Lưu: VT, KSTT. | **Nguyễn Xuân Đông** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ..…./QĐ-UBND ngày ... tháng …. Năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới** |
| 1 | Quy hoạch xây dựng | Thủ tục thẩm định Đồ án, điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đối với các dự án sản xuất trong các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh | Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù |

**2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý các khu công nghiệp được sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới** |
| 1 | Quản lý Môi trường | Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp | Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. |
| 2 | Quản lý Môi trường | Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp | Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. |
| 3 | Quản lý Môi trường | Thủ tục chấp thuận về môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt | Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. |
| 4 | Quản lý Môi trường | Thủ tục kiểm tra các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư trong khu công nghiệp trước khi đưa vào vận hành thử nghiệm | Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. |
| 5 | Quản lý Môi trường | Thủ tục Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với dự án trong khu công nghiệp | Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. |

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM**

**I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG**

**1. Thủ tục thẩm định Đồ án , điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đối với các dự án sản xuất trong các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**- Quy trình thực hiện.**

**Bước 1**. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Đại chỉ: Số 07, đường Trần Phú, phường Quang Trung, TP.Phủ lý, Hà Nam.

+ Điện thoại/Fã: Số máy lẻ 117/02263835835

+ Thời gian tiếp nhận: Theo giờ hành chính (Từ thứ 2 đến thứ 6 hành tuần trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết phiếu biên nhận gia cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Hoặc Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ nhưng không phải chứng thực, tất cả được scan hoặc chụp từ bản chính và gửi bằng tài khoản đã được đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến motcua.hanam.gov.vn. Hệ thống sẽ tự động thông báo kết quả tiếp nhận *(Kèm theo mã hồ sơ)* thông qua tài khoản, số điện thoại đã được đăng ký.

**Bước 2.** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ về Ban quản lý các khu công nghiệp. Phòng Quy hoạch Xây dựng thuộc Ban quản lý các KCN kiểm tra, thẩm định nội dung hồ sơ, trình xin ý kiến từ các sở, ngành, địa phương liên quan.

**Bước 3.** Sau khi nhận ý kiến từ các Sở, ngành, địa phương liên quan, trong thời gian 10 ngày làm việc phòng Quy hoạch Xây dựng tổng hợp ý kiến, báo cáo thẩm định nội dung hồ sơ trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp từ chối thẩm định, Ban quản lý các khu công nghiệp ban hành công văn từ chối và nêu rõ lý do từ chối thẩm định.

**Bước 4.Tổ chức cá nhân nhận lại kết quả**

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, tổ chức cá nhân mang theo Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Trường hợp lựa chọn nộp hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính thì nhận kết quả qua hệ thống bưu chính *(nếu có nhu cầu).*

**- Cách thức thực hiện:** Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***\* Thành phần:***

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

- Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ được quy định tại khoản 2 Điều 18 mục 3 Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016;

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt được quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án/điều chỉnh đồ án;

- Bản vẽ in màu theo đúng tỉ lệ quy định bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, được trích từ quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung xây dựng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000.

+ Bản đồ hiện trạng về kiến trúc, cảnh quan và đánh giá đất xây dựng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

+ Bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định ranh giới từng khu đất và lô đất theo tính chất, chức năng sử dụng đối với đất xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, hệ thống đường giao thông, khu cây xanh, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật; các yêu cầu về quản lý sử dụng đất (tầng cao xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, ...). Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

+ Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có). Tỷ lệ thích hợp.

+ Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: Giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bẩn, thu gom chất thải rắn, nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

+ Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500.

+ Các bản vẽ quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch: Xác định các công trình Điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng, tầm nhìn; xác định tầng cao xây dựng công trình, Khoảng lùi cho từng lô đất, trên từng tuyến phố và ngả giao nhau đường phố; xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; hệ thống cây xanh, mặt nước, quảng trường. Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các văn bản pháp lý liên quan;

- Văn bản giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng;

- Đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

***\* Số lượng:*** 4 bộ hồ sơ

**- Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ban quản lý các khu công nghiệp

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo kết quả thẩm định Đồ án, Điều chỉnh Đồ án quy hoạch chi tiết.

- Lệ phí *(Nếu có)*: Bộ Xây dựng quy định chi tiết chi phí thẩm định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

Các dự án đầu tư trong khu công nghiệp có quy mô từ 5 ha trở lên.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

Luật Xây dựng số 48/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;

Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của quy hoạch xây dựng;

Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam.

**II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

**1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Địa chỉ: Số 07, đường Trần Phú, phường Quang Trung, TP. Phủ Lý, Hà Nam.

+ Điện thoại/Fax: Số máy lẻ 117/02263835835

+ Thời gian tiếp nhận: Theo giờ hành chính (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).

Hoặc Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ nhưng không phải chứng thực, tất cả được scan hoặc chụp từ bản chính và gửi bằng tài khoản đã được đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến motcua.hanam.gov.vn. Hệ thống sẽ tự động thông báo kết quả tiếp nhận *(Kèm theo mã hồ sơ)* thông qua tài khoản, số điện thoại dã được đăng ký.

**Bước 2.** Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý khu công nghiệp xem xet, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân.

**Bước 3.** Thẩm định hồ sơ

- Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua Hội đồng thẩm định hoặc thông qua việc lấy ý kiến.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**Bước 4.** Phê duyệt và gửi kết quả

Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

Phòng chuyên môn chuyển kết quả qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh để chuyển trả tổ chức, cá nhân bằng một trong các hình thức sau:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, tổ chức cá nhân mang theo Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3, tổ chức, cá nhân khi đến nhận kết quả sẽ ký vào mẫu đơn, tờ khai và nộp phí, lệ phí *(nếu có)* và mang theo bản gốc để đối chiếu với giấy tờ có liên quan đã được gửi trực tuyến.

+ Trường hợp lựa chọn nộp hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính thì nhận kết quả qua hệ thống bưu chính.

- **Cách thức thực hiện**: Trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến motcua.hanam.gov.vn.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* *Thành phần hồ sơ***:

*- ­*Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm:

+ 01 văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 05 Phục lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

+ 07 bản báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 04 Phụ Lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

+ 01 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương khác.

- Hồ sơ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường sau thẩm định gồm:

+ 01 văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục;

+ (01) đĩa CD trong đó chứa một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục).

\* ***Số lượng hồ sơ****:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:**

- Đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường tổ chức thẩm định thông qua Hội đồng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường *(nếu có).* Trong đó:

+ 10 ngày làm việc đối với bước thẩm định.

+ 5 ngày làm việc đối với bước phê duyệt.

- Đối với báo báo đánh giá tác động môi trường tổ chức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường *(nếu có).* Trong đó:

+ 8 ngày làm việc đối với bước thẩm định.

+ 05 ngày làm việc đối với bước phê duyệt.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính *(được uỷ quyền)*:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh Hà Nam

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

**+ Đối với bước thẩm định:** Thông báo kết quả thẩm định

**+ Đối với bước phê duyệt:** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

**- Phí, Lệ phí:** Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nhóm 6 - Dự án công nghiệp, phụ biểu số 8 kèm theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Hà Nam. Cụ thể:

+ Dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng: mức thu là 8.400.000 VNĐ.

+ Dự án có tổng mức đâu tư từ trên 50 tỷ đồng đến dưới và bằng 100 tỷ đồng: mức thu là 10.500.000 VNĐ.

+ Dự án có tổng mức đầu tư từ trên 100 tỷ đồng đến dưới và bằng 200 tỷ đồng: mức thu là 19.000.000 VNĐ.

+ Dự án có tổng mức đầu tư từ trên 200 tỷ đồng đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: mức thu là 20.000.000 VNĐ.

+ Dự án có tổng mức đầu tư trên 500 tỷ đồng: mức thu là 26.000.000 VNĐ.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 05 Phục lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

+ Bản báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 04 Phụ Lục I ban hành kèm theo Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 24/12/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Quyết định số 78/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc uỷ quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỏ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với dự án đàu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 67/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại tỉnh Hà Nam.

Nghị quyết 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**4. Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Địa chỉ: Số 07, đường Trần Phú, phường Quang Trung, TP. Phủ Lý, Hà Nam.

+ Điện thoại/Fax: Số máy lẻ 117/02263835835

+ Thời gian tiếp nhận: Theo giờ hành chính (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).

Hoặc Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ nhưng không phải chứng thực, tất cả được scan hoặc chụp từ bản chính và gửi bằng tài khoản đã được đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến motcua.hanam.gov.vn. Hệ thống sẽ tự động thông báo kết quả tiếp nhận *(Kèm theo mã hồ sơ)* thông qua tài khoản, số điện thoại dã được đăng ký.

**Bước 2.** Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý khu công nghiệp xem xet, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân.

**Bước 3.** Thẩm định hồ sơ

- Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại được thực hiện theo hình thức lấy ý kiến. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, các cơ quan, tổ chức, chuyên gia được lấy ý kiến trả lời bằng văn bản và gửi về Ban quản lý các khu công nghiệp.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ sau chỉnh sửa để đề nghị phê duyệt.

**Bước 4.** Phê duyệt và gửi kết quả

Trưởng ban Ban quản lý các khu công nghiệp quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

Phòng chuyên môn chuyển kết quả qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh để chuyển trả tổ chức, cá nhân bằng một trong các hình thức sau:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, tổ chức cá nhân mang theo Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3, tổ chức, cá nhân khi đến nhận kết quả sẽ ký vào mẫu đơn, tờ khai và nộp phí, lệ phí *(nếu có)* và mang theo bản gốc để đối chiếu với giấy tờ có liên quan đã được gửi trực tuyến.

+ Trường hợp lựa chọn nộp hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính thì nhận kết quả qua hệ thống bưu chính.

- **Cách thức thực hiện**: Trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc gửi trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến motcua.hanam.gov.vn.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* *Thành phần hồ sơ***:

*- ­*Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm:

+ 01 văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 05 Phục lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

+ 07 bản báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ 01 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương khác.

- Hồ sơ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường sau thẩm định gồm:

+ 01 văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định khoản 13 Điều 14 được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

+ (01) đĩa CD trong đó chứa một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục).

\* ***Số lượng hồ sơ****:* 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường *(nếu có).* Trong đó:

+ 8 ngày làm việc đối với bước thẩm định.

+ 05 ngày làm việc đối với bước phê duyệt.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trong khu công nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính *(được uỷ quyền)*:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh Hà Nam

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

**+ Đối với bước thẩm định:** Thông báo kết quả thẩm định

**+ Đối với bước phê duyệt:** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**- Phí, Lệ phí:** Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nhóm 6 - Dự án công nghiệp, phụ biểu số 8 kèm theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Hà Nam. Cụ thể:

+ Dự án có tổng mức đầu tư nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng: mức thu là 8.400.000 VNĐ.

+ Dự án có tổng mức đâu tư từ trên 50 tỷ đồng đến dưới và bằng 100 tỷ đồng: mức thu là 10.500.000 VNĐ.

+ Dự án có tổng mức đầu tư từ trên 100 tỷ đồng đến dưới và bằng 200 tỷ đồng: mức thu là 19.000.000 VNĐ.

+ Dự án có tổng mức đầu tư từ trên 200 tỷ đồng đến dưới và bằng 500 tỷ đồng: mức thu là 20.000.000 VNĐ.

+ Dự án có tổng mức đầu tư trên 500 tỷ đồng: mức thu là 26.000.000 VNĐ.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019. Cụ thể:

1. Dự án thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình, việc không triển khai dự án trong thời hạn 24 tháng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường là việc chủ dự án không triển khai thực hiện hạng mục nào trong giai đoạn thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường chưa đi vào vận hành phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, bao gồm:

a) Tăng quy mô, công suất (mở rộng dây chuyền sản xuất chính, bổ sung công trình, hạng mục chính) của dự án làm phát sinh chất thải vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Thay đổi công nghệ sản xuất sản phẩm chính của dự án; thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

c) Mở rộng quy mô đầu tư của khu công nghiệp; bổ sung vào khu công nghiệp ngành nghề đầu tư thuộc các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại nhóm I và nhóm II Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 05 Phục lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

+ Bản báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 24/12/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Quyết định số 78/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc uỷ quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỏ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với dự án đàu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 67/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại tỉnh Hà Nam.

Nghị quyết 39/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Mẫu số 05**

**Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … V/v thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2) | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án (2) thuộc mục số …, cột 3 Phụ lục II Mục I của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số       /2019/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

(2) do... phê duyệt; địa điểm thực hiện (2): …………………………………………………….

Địa chỉ liên hệ của (1): ……………………………………………………………………………

Điện thoại: …………………….; Fax: …………………..; E-mail: ………………………………

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương của (2);

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của (2).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án;

(3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án

**Mẫu số 04**

**Mẫu cấu trúc và nội dung cụ thể báo cáo đánh giá tác động môi trường**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cơ quan cấp trên của chủ dự án (1)  **BÁO CÁO**  **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  của dự án (2)   |  |  | | --- | --- | | **CHỦ DỰ ÁN (\*)**  *(ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | **ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*)**  *(ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |   *Địa danh (\*\*), tháng ... năm ...* |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan chủ dự án;

(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án; (\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa; (\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

**MỤC LỤC**

**Danh mục các từ và các ký hiệu viết tắt  
Danh mục các bảng, các hình vẽ**

**MỞ ĐẦU**

**1. Xuất xứ của dự án**

1.1. Thông tin chung về dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án (mới, mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ hoặc dự án loại khác).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (đối với dự án phải có quyết định chủ trương đầu tư), báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án khác và quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp (gọi chung là khu công nghiệp) thì phải nêu rõ tên của khu công nghiệp và thuyết minh rõ sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề và phân khu chức năng. Đính kèm bản sao quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ tương đương của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

**2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM:**

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

**3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường:** Tóm tắt việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, đơn vị tư vấn (nếu có) kèm theo danh sách (có chữ ký) của những người tham gia ĐTM.

**4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường:** Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng và chỉ dẫn rõ sử dụng ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM.

**Chương 1**

**MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN**

**1. Tóm tắt về dự án**

**1.1. Thông tin chung về dự án:**

- Tên dự án (theo dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng).

- Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; tiến độ thực hiện dự án.

- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án. Mô tả rõ các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án.

- Mục tiêu; quy mô; công suất; công nghệ và loại hình dự án.

**1.2 Các hạng mục công trình của dự án**

Liệt kê đầy đủ, chi tiết về khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án, gồm 3 loại chính như sau:

- Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.

- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp, ...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, khí thải; ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ; các công trình đảm bảo chế độ thủy văn, dòng chảy tối thiểu, bảo tồn sinh thái (với các dự án tác động đến thủy văn, sinh thái) và các công trình bảo vệ môi trường khác.

Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu công nghiệp đang hoạt động, trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở, khu công nghiệp hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; tính liên thông, kết nối với các hạng công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án; sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định của pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan.

**1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án**

Liệt kê các loại nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án. Trường hợp dự án có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, phải làm rõ về nhu cầu, năng lực sử dụng phế liệu; tỷ lệ, khối lượng phế liệu sử dụng được nhập khẩu và thu mua trong nước, đề xuất khối lượng phế liệu nhập khẩu khi dự án vận hành theo công suất thiết kế của dự án.

**1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành**

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa.

**1.5. Biện pháp tổ chức thi công**

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

**1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.**

**2. Tóm tắt các vấn đề môi trường chính của dự án**

**2.1. Các tác động môi trường chính của dự án**

**2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án (nếu có):**

- Quy mô, tính chất của nước thải và vùng có thể bị tác động do nước thải.

- Quy mô, tính chất của bụi, khí thải và vùng có thể bị tác động do bụi, khí thải.

- Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại.

- Quy mô, tính chất của chất thải khác.

**2.2. Các tác động môi trường khác (nếu có):**

- Thu hẹp không gian, biến đổi cấu trúc, chức năng, giá trị của danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên.

- Thu hẹp diện tích, thay đổi cấu trúc, chức năng, dịch vụ sinh thái của các hệ sinh thái tự nhiên (khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực có đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, hệ sinh thái rừng tự nhiên, hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển, thủy sinh....).

- Thu hẹp sinh cảnh và suy giảm số lượng các loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ.

- Các tác động môi trường khác.

**2.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:**

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải: Nêu đầy đủ từng hạng mục công trình xử lý nước thải (hệ thống thoát nước trong và ngoài dự án; hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, súc rửa đường ống, nước thải đặc thù khác nếu có), gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; nguồn tiếp nhận, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn nước thải, mục đích tái sử dụng nước thải sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

- Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải: Nêu đầy đủ từng hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải (hệ thống đường ống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải; các thiết bị công nghệ đồng bộ xử lý bụi, khí thải; thiết bị hợp khối hoặc các thiết bị xử lý khác), gồm: kiểu loại, số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; trình độ công nghệ (mới, tiến tiến, thân thiện môi trường); nguồn gốc, xuất xứ của công nghệ (nước ngoài hoặc trong nước); nguồn tiếp nhận, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng với các hệ số áp dụng cho từng nguồn, khu vực phát thải; mục đích tái sử dụng khí đốt sạch sau xử lý (nếu có); thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục với camera theo dõi, giám sát (nếu có).

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: Nêu đầy đủ các hạng mục công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý (nếu có).

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Nêu đầy đủ các hạng mục công trình lưu giữ chất thải nguy hại kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình xử lý chất thải nguy hại phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý (nếu có).

- Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác (nếu có): Nêu đầy đủ các hạng mục công trình lưu giữ chất thải khác kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Đối với công trình xử lý chất thải phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành; phương án thu gom, lưu giữ và xử lý hoặc chuyển giao xử lý (nếu có).

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: Nêu đầy đủ các hạng mục công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, phương pháp, quy trình vận hành; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với từng nguồn ô nhiễm (nếu có).

- Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản): Nêu thông tin chính về phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch thực hiện; kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (riêng nội dung này phải cụ thể số tiền ký quỹ trong từng lần ký quỹ).

- Phương án, biện pháp bảo vệ, phục hồi hoặc bồi hoàn đối với cảnh quan thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên, các loài nguy cấp, quý hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ bị tác động, ảnh hưởng (nếu có).

* Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Nêu rõ phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (đối với: bụi, khí thải; nước thải; chất độc hại khác) áp dụng đối với dự án. Trường hợp dự án phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thì phải thể hiện đầy đủ thông tin, gồm: số lượng, quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và yêu cầu kỹ thuật đối với từng công trình (nếu có).

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

**2.5 Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:** Nêu rõ những công trình bảo vệ môi trường chính của dự án.

**2.6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:** Nêu rõ các nội dung, yêu cầu, cơ chế, tần suất, thông số giám sát ứng với từng giai đoạn của dự án.

**2.7. Cam kết của chủ dự án:** (Chủ dự án cam kết về tính trung thực, chính xác của số liệu; thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được trình bày trong báo cáo ĐTM).

**Chương 2**

**ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI**

**TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội** (không bắt buộc thực hiện đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường)

- Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về các điều kiện tự nhiên khu vực triển khai dự án, gồm các loại dữ liệu về: địa lý, địa chất; khí hậu, khí tượng; số liệu thủy văn, hải văn trong thời gian ít nhất 03 năm gần nhất.

- Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực dự án, gồm: các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác); đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

**2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực có thể chịu tác động do dự án**

2.2.1. Dữ liệu về đặc điểm môi trường và tài nguyên sinh vật

Tổng hợp dữ liệu thu thập (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực triển khai dự án, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án, môi trường nước mặt, nước biển, nước dưới đất, môi trường đất vùng tiếp nhận nước thải của dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án; khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án (dữ liệu về tài nguyên sinh vật không bắt buộc đối với dự án trong khu công nghiệp đã có các thủ tục về môi trường).

2.2.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí,

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án được thực hiện ít nhất là 03 đợt khảo sát. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu phải tuân thủ quy trình kỹ thuật về quan trắc môi trường. Tổng hợp kết quả để đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án; đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.

Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục này cần bổ sung kết quả quan trắc phóng xạ, đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân. Trường hợp nước thải của dự án đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp thì không cần đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt, trầm tích. Việc đánh giá hiện trạng môi trường không khí xung quanh chỉ yêu cầu đối với những dự án phát sinh bụi, khí thải gây ô nhiễm môi trường hoặc dự án sử dụng mô hình tính toán lan truyền ô nhiễm (nếu có).

2.2.3. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện trạng đa dạng sinh học, tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện và chịu tác động của dự án (không bắt buộc đối với dự án trong khu công nghiệp đã *có* các thủ tục về môi trường), bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, như: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện hạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án (nếu có);

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học dưới nước là nguồn tiếp nhận chất thải hoặc chịu tác động trực tiếp của dự án (sông, hồ, biển, đất ngập nước ven biển, ...) có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái dưới nước (nếu có), hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải sản khác (nếu có).

**Chương 3**

**ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

**Nguyên tắc chung:**

- Việc đánh giá tác động của dự án đến môi trường được thực hiện theo các giai đoạn triển khai xây dựng dự án và khi dự án đi vào vận hành (vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, từng đối tượng bị tác động. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện phải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đối với từng tác động đã được đánh giá.

- Đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu công nghiệp đang hoạt động phải đánh giá tổng hợp tác động môi trường của cơ sở, khu công nghiệp cũ và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của dự án mới.

**3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án**

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Việc đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường của giai đoạn này tập trung vào các hoạt động chính sau đây:

- Đánh giá tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái;

- Đánh giá tác động đến môi trường của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư, ...;

- Đánh giá tác động đến môi trường của hoạt động giải phóng mặt bằng;

- Khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có công trình xây dựng);

- Làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước, ...).

Yêu cầu:

- Với mỗi tác động cần xác định quy mô tác động để tập trung dự báo, đánh giá và giảm thiểu các tác động chính, đặc thù của loại hình và vị trí dự án.

- Đối với nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cụ thể hóa về thải lượng, nồng độ và giá trị của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải.

- Đối với nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: cần nêu cụ thể các nguồn gây tác động và đối tượng chịu tác động.

3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

- Về nước thải: chi tiết về quy mô, công suất, công nghệ của công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống..., đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: quy mô, vị trí, biện pháp bảo vệ môi trường của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Về bụi, khí thải: các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Về ô nhiễm ồn, rung: các công trình, biện pháp giảm ồn, rung.

- Về xói lở, bồi lắng, nước mưa chảy tràn (nếu có): quy mô, vị trí, biện pháp ngăn ngừa xói lở, bồi lắng, kiểm soát nước mưa chảy tràn.

- Về tác động đến tài nguyên sinh vật (nếu có).

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có).

**3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Việc đánh giá tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào 02 giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, với các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác, tiếng ồn, độ rung, ...). Mỗi tác động phải được cụ thể hóa về thải lượng và giá trị của tất cả các thông số chất thải đặc trưng của dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải.

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải cần nêu cụ thể các nguồn gây tác động và đối tượng chịu tác động;

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải đánh giá bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; đánh giá khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án.

3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả đánh giá các tác động tại Mục 3.2.1 nêu trên, chủ dự án phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và nồng độ các thông số ô nhiễm đặc trưng) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp (trên cơ sở liệt kê, so sánh các thiết bị, công nghệ đang được sử dụng), đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Về công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc dự thảo thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước (sau đây gọi tắt là dự thảo bản vẽ thiết kế). Chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 báo cáo.

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

b) Về công trình xử lý bụi, khí thải:

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý bụi, khí thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình xử lý bụi, khí thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 báo cáo);

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

c) Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình quản lý, xử lý chất thải;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình quản lý, xử lý chất thải, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 báo cáo).

d) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải (đối với trường hợp phải lắp đặt):

- Thuyết minh chi tiết về quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- Các thông số cơ bản của từng hạng mục và của cả công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kèm theo dự thảo bản vẽ thiết kế (chi tiết được nêu tại Phụ lục 2 báo cáo).

đ) Công trình đảm bảo dòng chảy tối thiểu với các dự án thủy điện, hồ chứa nước.

e) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác (nếu có).

**3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

**3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:**

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án.

Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

**Chương 4**

**PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

(Chỉ yêu cầu đối với các dự án khai thác khoáng sản)

**4.1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường**

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; quy hoạch sử dụng đất sau khai thác (nếu có) tổ chức, cá nhân phải xây dựng tối thiểu 02 phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi.

- Đối với mỗi phương án cải tạo, phục hồi môi trường đưa ra cần làm rõ các nội dung sau:

+ Xác định thời điểm, nội dung thực hiện một phần công tác cải tạo, phục hồi môi trường (ngay trong quá trình khai thác) đối với các hạng mục công trình mỏ (công trình phụ trợ khai thác, bãi thải mỏ,...) và khu vực khai thác (trường hợp mỏ khai thác theo hình thức “cuốn chiếu”, có thể thực hiện được công tác cải tạo, phục hồi môi trường đối với phần diện tích đã khai thác hết trữ lượng);

+ Xác định các hạng mục công trình mỏ, các hạng mục công việc cần cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực khai thác (moong khai thác đối với mỏ lộ thiên; hệ thống đường lò/giếng thông gió, vận chuyển, lò chợ ... đối với mỏ hầm lò) trong giai đoạn đóng cửa mỏ (thời điểm kết thúc khai thác mỏ theo dự án đầu tư đã lập);

+ Mô tả các giải pháp, công trình và khối lượng, kinh phí để cải tạo, phục hồi môi trường; lập bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: tác động liên quan đến chất thải, tác động không liên quan đến chất thải như: cảnh quan, sinh thái sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường, ...) và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu.

- Tính toán “chỉ số phục hồi đất” cho các phương án lựa chọn. Trên cơ sở đánh giá và so sánh “chỉ số phục hồi đất” và ưu điểm, nhược điểm của các phương án, lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

**4.2 Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường**

Từ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thiết kế các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

**4.3 Kế hoạch thực hiện**

- Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

- Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình** | **Khối lượng/ đơn vị** | **Đơn**  **giá** | **Thành**  **tiền** | **Thời gian thực hiện** | **Thời gian hoàn thành** | **Ghi chú** |
| I | Khu vực khai thác |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trồng cây khu A |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |

**4.4. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường**

a) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Lập bảng tổng hợp chi phí và tiến độ thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường trên cơ sở định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các bộ, ngành tương ứng, giá thị trường trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

b) Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ:

Trình bày cụ thể các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo.

c) Đơn vị nhận ký quỹ:

Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị và tổ chức thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

**Chương 5**

**CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

**5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án**

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1,3 dưới dạng bảng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn của dự**  **Án** | **Các hoạt**  **động**  **của dự**  **án** | **Các tác**  **động môi**  **trường** | **Các công trình, biện pháp bảo vệ môi**  **trường** | **Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường** | **Thời gian**  **thực hiện và hoàn thành** | **Trách nhiệm tổ chức**  **thực**  **hiện** | **Trách nhiệm giám sát** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Thi công xây dựng |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Vận hành thử nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Vận hành thương mại |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án**

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho quá trình thực hiện dự án, được thiết kế cho các giai đoạn: (1) Thi công xây dựng; (2) Vận hành thử nghiệm và (3) Dự kiến khi vận hành thương mại, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải quan trắc, giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải trước và sau xử lý với tần suất tối thiểu 03 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh; phải phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định, ...

- Giám sát tự động, liên tục nước thải, khí thải và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương (đối với trường hợp phải lắp đặt).

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ hoặc một số loại hình đặc thù theo yêu cầu của cơ quan phê duyệt với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở, bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần.

**Chương 6**

**KẾT QUẢ THAM VẤN**

**I. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG**

**6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng:**

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án. Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

**6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng**

6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án: Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn: Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.

**II. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC (đối với dự án thuộc Phụ lục IIa):**

Mô tả rõ quá trình tham vấn ý kiến của các nhà khoa học, chuyên gia liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án và chuyên gia môi trường thông qua hình thức hội thảo, tọa đàm; ý kiến đánh giá của từng nhà khoa học, chuyên gia; ý kiến giải trình, tiếp thu và cam kết thực hiện của chủ dự án đối với từng ý kiến của nhà khoa học, chuyên gia tại hội thảo, tọa đàm.

Việc tham vấn ý kiến đối với các dự án quy định tại Phụ lục IIa Mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP có lưu lượng nước thải xả trực tiếp ra môi trường từ 10.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên hoặc lưu lượng khí thải từ 200.000 m3/giờ trở lên có sự tham gia của ít nhất 10 chuyên gia, nhà khoa học liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án và chuyên gia môi trường; các trường hợp còn lại quy định tại Phụ lục IIa Mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP có sự tham gia của ít nhất 03 chuyên gia, nhà khoa học liên quan đến lĩnh vực hoạt động của dự án và chuyên gia môi trường.

**III. THAM VẤN TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN VỀ TÍNH CHUẨN XÁC CỦA MÔ HÌNH:**

Mô tả quá trình lấy ý kiến của tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình; ý kiến nhận xét của tổ chức chuyên môn; ý kiến giải trình, tiếp thu và cam kết thực hiện của chủ dự án.

Việc lấy ý kiến của tổ chức chuyên môn về tính chuẩn xác của mô hình được áp dụng đối với các dự án có nguy cơ bồi lắng, xói lở hoặc xâm nhập mặn do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; dự án có hoạt động nhận chìm vật, chất nạo vét xuống biển có tổng khối lượng từ 5.000.000 m3 trở lên; các dự án có lưu lượng nước thải công nghiệp từ 10.000 m3/ngày (24 giờ) trở lên (trừ các trường hợp đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và nước thải của dự án nuôi trồng thủy sản) hoặc lưu lượng khí thải từ 200.000 m3/giờ trở lên.

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

**1. Kết luận:** Chủ dự án khẳng định các vấn đề đã nhận dạng và đánh giá được về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định, các tác động môi trường quan trọng đặc thù cần quan tâm đặc biệt trong quá trình thực hiện dự án, nhất là các vấn đề môi trường chính của dự án (đã trình bày ở Chương 1); mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do. Những tác động gì còn chưa dự báo được và nêu rõ lý do.

**2. Kiến nghị:** Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

**3.** Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường: (Chủ dự án cần cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các vấn đề môi trường chính nêu trong báo cáo ĐTM; chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo ĐTM và toàn bộ nội dung quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền).

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

(Chỉ liệt kê các tài liệu có sử dụng để trích dẫn trong báo cáo ĐTM)

**PHỤ LỤC I**

Đính kèm trong Phụ lục I của báo cáo ĐTM là các loại tài liệu sau đây: Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án; các phiếu kết quả phân tích môi trường nền đã thực hiện; bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng; bản sao các văn bản tham vấn thông qua hội thảo, tọa đàm (nếu có); bản sao các văn bản nhận xét của tổ chức chuyên môn có liên quan về tính chuẩn xác của mô hình (nếu có); các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có).

Đối với dự án khai thác khoáng sản phải có thêm các bản vẽ sau đây: Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000); Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác; Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000); Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật; Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000); Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm; Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000).

**PHỤ LỤC II**

Đính kèm trong Phụ lục II của báo cáo ĐTM là thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xử lý chất thải (đối với các dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước); công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có).

***Ghi chú:***

- Tùy theo từng dự án cụ thể, nội dung của báo cáo ĐTM có thể được bổ sung thêm các nội dung đặc thù hoặc lược bỏ những nội dung không cần thiết, không liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của dự án nhưng vẫn phải bảo đảm các nội dung chính và yêu cầu của báo cáo ĐTM nêu trên.

- Các trích dẫn trong báo cáo ĐTM phải chỉ rõ nguồn.

**3. Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Địa chỉ: Số 07, đường Trần Phú, phường Quang Trung, TP. Phủ Lý, Hà Nam.

+ Điện thoại/Fax: Số máy lẻ 117/02263835835

+ Thời gian tiếp nhận: Theo giờ hành chính (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).

Hoặc Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ nhưng không phải chứng thực, tất cả được scan hoặc chụp từ bản chính và gửi bằng tài khoản đã được đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến motcua.hanam.gov.vn. Hệ thống sẽ tự động thông báo kết quả tiếp nhận *(Kèm theo mã hồ sơ)* thông qua tài khoản, số điện thoại dã được đăng ký.

**Bước 2.** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý các KCN chuyển hồ sơ về Ban quản lý khu công nghiệp. Phòng chuyên môn có trách nhiệm kiểm tra nội dung hồ sơ, trình lãnh đạo Ban ký duyệt và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc cần bổ sung, làm rõ, Ban quản lý khu công nghệp có văn bản đề nghị bổ sung làm rõ trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**Bước 3.** Cá nhân, tổ chức xuất trình Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả , nộp lệ phí *(nếu có)* và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý các khu công nghiệp - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Hoặc đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

**- Cách thức thực hiện:**

Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến motcua.hanam.gov.vn hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***\* Thành phần:***

***-***Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án theo mẫu số 07 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

**\* Số lượng:** 01 bộ

**- Thời hạn giải quyết:**05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**chủ đầu tư dự án trong khu công nghiệp

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Ban quản lý khu công nghiệp

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Quyết định phê duyệt điều chỉnh một số nội dung quy định phê duyệt báo cso đánh giá tác động môi trường.

**- Lệ phí, phí:**Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

***-***Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án theo mẫu số 07 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trong quá trình triển khai xây dựng dự án, chủ dự án trong khu công nghiệp có những thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và chỉ được thực hiện thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp sau:

Tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ mà không thuộc trường hợp phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định trên.

**- Căn cứ pháp lý:**

Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 24/12/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Quyết định số 78/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc uỷ quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỏ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với dự án đàu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**Mẫu số 07**

**Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng**

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … V/v thay đổi …….. của (2) | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), đã được (3) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại quyết định số …; địa điểm thực hiện dự án: …;

Địa chỉ liên hệ của (1): ………………………………………………………

Điện thoại:………………; Fax: …………………..; E-mail: ……………….

Chúng tôi gửi đến (3) ba (03) bản báo cáo những thay đổi (nêu cụ thể việc thay đổi: tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp) của (2).

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét, phê duyệt những thay đổi nêu trên.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(3) Cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

**Mẫu số 08**

**Báo cáo những nội dung thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng**

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … V/v thay đổi ….. của (2) | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (3)

Căn cứ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ngày ... tháng ... năm ...của (2); Chúng tôi là chủ đầu tư của (2) đề nghị thay đổi (nêu cụ thể việc thay đổi: tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ của dự án hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp) của (2), cụ thể như sau:

**1. Những nội dung đề nghị thay đổi:**

1.1. Nội dung đã được phê duyệt (nêu rõ quy mô, công suất, công nghệ, ngành nghề đã được phê duyệt).

1.2. Nội dung đề nghị thay đổi (nêu rõ quy mô, công suất, công nghệ, ngành nghề đề nghị thay đổi, bổ sung).

**2. Đánh giá tác động do việc thay đổi nêu tại mục 1.2** (phải đánh giá chi tiết các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ việc thay đổi).

**3. Các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh**

3.1. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường

3.2. Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh

**4. Các thay đổi về quản lý, giám sát môi trường**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; /

(3) Cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(4) Đại diện có thẩm quyền của (1).

**6. Thủ tục kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư trong khu công nghiệp**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

+ Địa chỉ: Số 07, đường Trần Phú, phường Quang Trung, TP. Phủ Lý, Hà Nam.

+ Điện thoại/Fax: Số máy lẻ 117/02263835835

+ Thời gian tiếp nhận: Theo giờ hành chính (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).

Hoặc Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ nhưng không phải chứng thực, tất cả được scan hoặc chụp từ bản chính và gửi bằng tài khoản đã được đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến motcua.hanam.gov.vn. Hệ thống sẽ tự động thông báo kết quả tiếp nhận *(Kèm theo mã hồ sơ)* thông qua tài khoản, số điện thoại dã được đăng ký.

**Bước 2.** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý các KCN chuyển hồ sơ về Ban quản lý khu công nghiệp. Phòng chuyên môn có trách nhiệm kiểm tra nội dung hồ sơ, tổ chức kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc cần bổ sung, làm rõ, Ban quản lý khu công nghệp có văn bản đề nghị bổ sung làm rõ trong thời hạn 03 ngày làm việc.

**Bước 3.** Cá nhân, tổ chức xuất trình Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả , nộp lệ phí *(nếu có)* và nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý các khu công nghiệp - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Hoặc đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

**- Cách thức thực hiện:**

Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban quản lý khu công nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***\* Thành phần:***

- Văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP, kèm theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

- Hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải đã được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng, trong đó gồm: Bản vẽ hoàn công công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo đảm phù hợp với phương án công nghiệp hoặc phương án thiết kế cơ sở của công trình xử lý chất thải đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình xử lý chất thải trước khi đưa vào sử dụng. Đối với công trình xử lý hợp khối, thiết bị xử lý đồng bộ, nguyên chiếc nhập khẩu phải kèm theo chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ, chất lượng (CO/CQ) của công trình, thiết bị đó; Hồ sơ lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục, kèm theo CO/CQ của từng thiết bị nhập khẩu theo quy định của pháp luật; Hồ sơ quy trình vận hành của công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở.

**\* Số lượng:** 01 bộ hồ sơ

**- Thời hạn giải quyết:**

***+ Đối với trường hợp công trình xử lý chất thải trước khi đi vào vận hành thử nghiệm:*** 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra và trong trường hợp các công trình xử lý chất thải của dự án đáp ứng yêu cầu.

+ ***Đối với trường hợp công trình xử lý chất thải đã đi vào vận hành thử nghiệm:*** 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc vận hành thử nghiệm *(thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải từ 03 đến 06 tháng kẻ từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm)*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**Chủ đầu tư trong khu công nghiệp

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Ban quản lý khu công nghiệp

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thông báo Kết quả kiểm tra theo Mẫu số 10 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

Thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo Mẫu số 11 Phục lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

**- Lệ phí, phí:**Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Chủ dự án trong khu công nghiệp thuộc đối tượng phải đầu tư xây dựng và lắp đặt các công trình xử lý chất thải chỉ được đưa vào vận hành thử nghiệm đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);

b) Đã lắp đặt hoàn thành các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải, khí thải theo quy định của pháp luật;

c) Có quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

d) Có hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải đã được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải;

đ) Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

**- Căn cứ pháp lý:**

Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 24/12/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Quyết định số 78/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc uỷ quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỏ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với dự án đàu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**Mẫu số 09**

**Văn bản thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án/cơ sở**

|  |  |
| --- | --- |
| (1) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … V/v thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án | *(Địa danh), ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là (1), chủ đầu tư của Dự án (3) (sau đây viết tắt là Dự án), đã được (4) phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

Theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số ..../2019/NĐ-CP ngày...tháng... năm... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, chúng tôi xin gửi tới (2) kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án (Kế hoạch chi tiết xin gửi kèm theo).

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong Kế hoạch vận hành thử nghiệm kèm theo văn bản này, nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường, đồng thời cam kết sẽ dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Kính đề nghị (2) tổ chức kiểm tra các công trình xử lý chất thải của Dự án để (1) có căn cứ đưa (3) vào vận hành thử nghiệm theo đúng Kế hoạch./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (5) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

**KẾ HOẠCH**

**Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án ...(3) ... (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án ...(3)...)***(Kèm theo Văn bản số:... ngày..../.../... của (1))*

**1. Tên và địa điểm thực hiện Dự án:...**

**2. Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án:** số ... ngày... tháng... năm... của...

**3. Chủ dự án:**…………………………………………………………………

- Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………

- Điện thoại: …………………..; Fax: …………………; E-mail: ……………

- Thông tin liên hệ của đại diện chủ dự án, cán bộ phụ trách môi trường:

**4. Thông tin chung về quá trình triển khai thực hiện Dự án:**

Báo cáo sơ bộ tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục chính của Dự án, thời điểm khởi công, thời điểm hoàn thành từng hạng mục.

**5. Kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo ĐTM:**

5.1. Các công trình xử lý chất thải phải xây dựng, lắp đặt theo yêu cầu của quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo ĐTM:

Liệt kê chi tiết, đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường phải xây dựng, lắp đặt theo yêu cầu tại quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo ĐTM, trong đó làm rõ về quy mô, công suất, công nghệ, thông số kỹ thuật cơ bản, quy trình vận hành của từng hạng mục công trình; các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường khác,...

5.2. Các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành phục vụ quá trình vận hành thử nghiệm (bao gồm toàn bộ hoặc từng hạng mục):

a) Công trình thu gom, xử lý nước thải:

- Các công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải đã xây dựng: báo cáo các thông số kỹ thuật cơ bản như: kết cấu, kích thước, vật liệu, chức năng, hướng tiêu thoát (kèm theo sơ đồ, bản vẽ tổng mặt bằng hệ thống thoát nước).

- Báo cáo chi tiết từng công trình, thiết bị xử lý nước thải đã xây dựng hoặc lắp đặt, trong đó phải có các thông tin chính sau: quy mô, công suất, công nghệ xử lý; thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo sơ đồ khối và thuyết minh chi tiết quy trình vận hành; các loại hoá chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý; báo cáo việc lắp đặt công tơ điện riêng để theo dõi mức tiêu hao điện năng trong quá trình vận hành công trình, thiết bị.

- Bảng cân bằng nước dự kiến trong quá trình vận hành dự án: Làm rõ từng nguồn nước thải kèm theo lưu lượng phát sinh, phương án thu gom, xử lý từng nguồn thải tại các công trình, thiết bị xử lý nước thải đã hoàn thành.

- Hồ sơ bản vẽ hoàn công đối với công trình xử lý nước thải, kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với thiết bị xử lý nước thải hợp khối phải có hồ sơ lắp đặt kèm theo CO/CQ của thiết bị (trong trường hợp thiết bị được nhập khẩu nguyên khối).

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Báo cáo chi tiết từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt, trong đó phải có các thông tin chính sau: quy mô, công suất, công nghệ xử lý; thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo sơ đồ khối và thuyết minh chi tiết quy trình vận hành, ứng phó sự cố của hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải; các loại vật liệu, hóa chất, xúc tác sử dụng trong quá trình vận hành.

- Hồ sơ bản vẽ hoàn công đối với công trình xử lý bụi, khí thải kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với thiết bị xử lý đồng bộ, nguyên chiếc phải có hồ sơ lắp đặt kèm theo CO/CQ của thiết bị (trường hợp thiết bị được nhập khẩu nguyên chiếc).

c) Công trình, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Công trình lưu giữ chất thải: quy mô, kết cấu và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình; hồ sơ bản vẽ hoàn công kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Công trình, thiết bị xử lý chất thải: báo cáo chi tiết từng công trình, thiết bị xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đã được xây dựng, lắp đặt, trong đó phải có các thông tin chính sau: quy mô, công suất; thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo sơ đồ khối và thuyết minh chi tiết quy trình vận hành; các loại vật liệu, hoá chất sử dụng trong quá trình vận hành. Hồ sơ bản vẽ hoàn công công trình lưu giữ, xử lý chất thải, kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

d) Công trình quản lý chất thải khác:

Công trình xử lý, lưu giữ chất thải đã được xây dựng; quy mô, công suất, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành công trình. Hồ sơ hoàn công kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

đ) Các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định):

- Mô tả từng thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục đã lắp đặt, gồm: vị trí, thông số lắp đặt; chủng loại kèm theo CO/CQ của từng thiết bị.

- Việc kết nối dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để theo dõi, giám sát.

e) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị hoặc phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong quá trình vận hành thử nghiệm. Thuyết minh từng quy trình ứng phó sự cố đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Hồ sơ hoàn công kèm theo các biên bản bàn giao, nghiệm thu công trình, thiết bị theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp phải xây dựng, lắp đặt công trình ứng phó sự cố môi trường.

g) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

**6. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm:**

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Dự án, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

**7. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:**

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp); thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch.

**8. Kiến nghị (nếu có):**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: … | (5) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án;

(3) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3);

(4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

**5. Thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư trong khu công nghiệp**

- **Trình tự thực hiện**:

**Bước 1:** Chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Địa chỉ: Số 07, đường Trần Phú, phường Quang Trung, TP. Phủ Lý, Hà Nam.

+ Điện thoại/Fax: Số máy lẻ 117/02263835835

+ Thời gian tiếp nhận: Theo giờ hành chính (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần trừ các ngày nghỉ lễ theo quy định).

**Bước 2.** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ban quản lý khu công nghiệp kiểm tra thành phần hồ sơ và chuyển hồ sơ về phòng Quản lý Môi trường thuộc Ban. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, phòng Quản lý Môi trường xem xét hồ sơ, đánh giá điều kiện để kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định và tham mưu lãnh đạo Ban thành lập đoàn kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra thực tế công tác bảo vê môi trường của cơ sở. Trường hợp chưa đủ điều kiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thì có văn bản trả lời chủ dự án và nêu rõ lý do.

- Sau khi kết thúc kiểm tra và các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan kiểm tra, xác nhận cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định. Trường hợp chưa đủ điều kiện xác nhận, phải trả lời chủ dự án bằng một văn bản kèm theo tất cả các nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác.

**Bước 3.** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, tổ chức cá nhân mang theo Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đến nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3, tổ chức, cá nhân khi đến nhận kết quả sẽ ký vào mẫu đơn, tờ khai và nộp phí, lệ phí *(nếu có)* và mang theo bản gốc để đối chiếu với giấy tờ có liên quan đã được gửi trực tuyến.

+ Trường hợp lựa chọn nộp hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính thì nhận kết quả qua hệ thống bưu chính.

- **Cách thức thực hiện**: Trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Trung tâm Hành chính công tình Hà Nam hoặc gửi trực tuyến qua dịch vụ công trực tuyến motcua.hanam.gov.vn.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm**:

***\* Thành phần***:

Hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án bao gồm:

- 01văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thực hiện theo mẫu số 12 tại Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

- 07 bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thửu nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP;

- 01 bản sao Quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

- 01 Văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án của cơ quan chuyên môn về môi trường cấp tỉnh;

\* ***Số lượng hồ sơ*:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 06 ngày làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trương hợp cần thiết).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức, cá nhân.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Ban quản lý các khu công nghiệp.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Mẫu giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo Mẫu số 14 Phụ lục VI Mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

**- Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thực hiện theo mẫu số 12 tại Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP.

+ Bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thửu nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Chủ dự án đầu tư trong khu công nghiệp thuộc đối tượng quy định tại cột 4 Phụ lục II Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2019/NĐ-CP phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi tường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13;

Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 24/12/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Quyết định 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc uỷ quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỏ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**Mẫu số 12**

**Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| (1) ------------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: … V/v đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án | *(Địa danh), ngày … tháng … năm …* |

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là (1), là chủ đầu tư Dự án (3), đã được (4) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

- Địa chỉ văn phòng của (1): ……………………………………………….

- Địa điểm thực hiện Dự án (3): ……………………………………………..

- Địa chỉ liên hệ của (1): ……………………………………………………...

Điện thoại: ………………; Fax: ………….; E-mail: ……………………..

Chúng tôi xin gửi đến (2) hồ sơ gồm:

- Bảy (07) Bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án.

- Một (01) Bản sao Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt.

- Một (01) văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

Chúng tôi xin cam kết về độ trung thực của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Đề nghị (2) kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - - Lưu: ... | (5) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

(3) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của Dự án (3);

(4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

**Mẫu số 13**

**Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| (1) ------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: … | *(Địa danh), ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường**  
của Dự án (3)

Kính gửi: (2)

**1. Thông tin chung về dự án:**

- Tên chủ dự án: ………………………………………………..

- Địa chỉ văn phòng: ………………………………………………

- Điện thoại: ………………; Fax:……………; E-mail:..………………..

- Địa điểm thực hiện dự án:

- Quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án:………………………………… …………………………....

- Văn bản của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh đánh giá về kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án: ……..

**2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án) đã hoàn thành**

**2.1. Công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

2.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật mạng lưới thu gom, thoát nước mưa bề mặt; số lượng, vị trí từng điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường kèm theo quy trình vận hành tại từng điểm thoát (như: tự chảy, đập xả tràn, van chặn,...) và sơ đồ minh họa.

2.1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải: Mô tả chức năng kèm theo thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thu gom nước thải dẫn về các công trình xử lý nước thải.

- Mạng lưới thoát nước thải: Mô tả chức năng kèm theo thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài, ...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường hoặc xả ra ngoài phạm vi của công trình xử lý chất thải.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: Mô tả chi tiết vị trí xả nước thải, quy trình vận hành; đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đối nối nước thải; nguồn tiếp nhận nước thải.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên.

2.1.3. Công trình xử lý nước thải:

- Mô tả rõ từng công trình xử lý nước thải đã được xây dựng hoặc lắp đặt (tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng,...), trong đó làm rõ: chức năng của công trình; quy mô, công suất, công nghệ, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình; các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng; định mức tiêu hao năng lượng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành; yêu cầu, quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với nước thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã được lắp đặt kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; việc kết nối và truyền số liệu quan trắc trực tuyến về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát.

2.1.4. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải (cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc quan trắc môi trường: thời gian, tần suất, phương pháp, kết quả đo đạc, lấy và phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng)

Việc đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải được thực hiện thông qua kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý (chương trình và phương pháp lấy mẫu tổ hợp để đánh giá), gồm:

- Kết quả đánh giá hiệu suất của từng công đoạn xử lý được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải đối với một số thông số ô nhiễm chính đã sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn của hệ thống xử lý nước thải và được trình bày theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số ô nhiễm chính tại công đoạn ………. (Đơn vị tính)** | | | | | |
| **Thông số A** | | **Thông số B** | | **v.v...** | |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Lần 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Lần 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Lần n, ….. |  |  |  |  |  |  |  |
| Hiệu suất xử lý của từng công đoạn xử lý nước thải (%) |  |  |  |  |  |  |  |

- Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải được thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả quan trắc nước thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) của các thông số môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với ngành, lĩnh vực có quy chuẩn riêng hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải (sinh hoạt, công nghiệp). Đối với một số ngành công nghiệp đặc thù phải thực hiện quan trắc các thông số môi trường theo quyết định của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và được trình bày theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số môi trường của dự án** | | | | | | |
| **Thông số A (Đơn vị tính)** | | **Thông số B (Đơn vị tính)** | | **v.v...** | | |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Lần 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Lần 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Lần n,... |  |  |  |  |  |  |  |
| Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất). |  |  |  |  |  |  |  |

- Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải thông qua số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt) của các ngày đã thực hiện lấy, phân tích mẫu nước thải trong phòng thí nghiệm. Kết quả quan trắc tự động, liên tục được so sánh, đối chiếu với kết quả đo nhanh hiện trường và kết quả lấy, phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm. Giá trị trung bình theo ngày của các kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục được so sánh với giá trị tối đa cho phép các thông số môi trường của các quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng để đánh giá sự phù hợp quy chuẩn (không phân biệt phương pháp đo đạc, lấy và phân tích mẫu trong quy chuẩn kỹ thuật).

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giá trị trung bình theo ngày (24 giờ) của các kết quả đo được so sánh với giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật về chất thải** | **Lưu lượng thải (Đơn vị tính)** | **Thông số quan trắc tự động, liên tục** | | | | | |
| **Thông số A (Đơn vị tính)** | | **Thông số B (Đơn vị tính)** | | **v.v...** | |
| **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** | **Trước xử lý** | **Sau xử lý** |
| Ngày thứ 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngày thứ 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngày thứ n (kết quả đánh giá theo ngày lấy mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm) |  |  |  |  |  |  |  |
| Theo QCVN (tương ứng với từng loại hình sản xuất). |  |  |  |  |  |  |  |

**2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:**

- Mô tả rõ từng công trình xử lý khí thải đã được xây dựng hoặc lắp đặt (tên đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công; nhà thầu xây dựng,...), trong đó làm rõ: chức năng của công trình; quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình; các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao năng lượng, hóa chất sử dụng cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu, quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý.

- Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục đã được lắp đặt kèm theo hồ sơ mô tả đặc tính, CO/CQ và phiếu kiểm định, hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm của thiết bị, hệ thống; kết quả kết nối và truyền số liệu quan trắc trực tuyến về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương để kiểm tra, giám sát.

- Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Việc đánh giá hiệu quả xử lý được thực hiện thông qua kết quả quan trắc khí thải (kết quả đo đạc bằng thiết bị đo nhanh hiện trường, lấy mẫu và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm) và số liệu quan trắc tự động, liên tục (nếu có) đối với từng công đoạn và đối với toàn bộ hệ thống xử lý. Chủ dự án thực hiện thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải tại Mục 2.1.4 nêu trên.

**2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Công trình lưu giữ chất thải đã được xây dựng, lắp đặt, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Công trình xử lý chất thải: Mô tả chức năng, quy mô, công suất, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải.

**2.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đã được xây dựng, lắp đặt, gồm: Mô tả chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Công trình xử lý chất thải nguy hại: Mô tả chức năng, quy mô, công suất, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải nguy hại.

**2.5. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

- Mô tả chi tiết từng công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với từng loại chất thải, trong đó phải làm rõ quy mô, công suất, quy trình vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình.

- Đánh giá hiệu quả, khả năng đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải của công trình, thiết bị đã hoàn thành; đề xuất phương án cải thiện, bổ sung và cam kết lộ trình hoàn thành trên cơ sở kết quả vận hành thử nghiệm dự án.

**2.6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

Mô tả các công trình lưu giữ chất thải khác đã được xây dựng, lắp đặt kèm theo các thông số kỹ thuật cơ bản. Riêng đối với công trình xử lý chất thải phải mô tả thêm quy mô, công suất và quy trình vận hành; kết quả đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý.

**3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt**

(Kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi và quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM; các nội dung thay đổi khác có tác động tích cực hoặc không có tác động xấu đến môi trường)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình bảo vệ môi trường** | **Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM** | **Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện** | **Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM (nếu có)** |
| 1. | ... | ... | … |  |
| 2... | ... | ... | … |  |

**4. Chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành (khi dự án đi vào vận hành thương mại):**

Trên cơ sở kết quả vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án tự rà soát để đề xuất điều chỉnh, bổ sung chương trình quan trắc và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - …; - Lưu: ... | (4) *(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Chủ dự án;

(2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

(3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3);

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

\* Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

- Hồ sơ hoàn công kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình bảo vệ môi trường;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;

- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;

- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.